

Bản án số: 37/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24/9/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

*Các Hội thẩm nhân:*

**1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng**

**2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng**

**Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Chí Công** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị Tú A** – sinh năm 1982. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Quốc D** – sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 02.3.2020 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Ngô Thị Tú A – nguyên đơn trình bày:*

Bà Ngô Thị Tú A và ông Nguyễn Quốc D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bình, huyện T. L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 17/02/2004.

Trong thời gian chung sống giữa bà và ông D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm, nên thường xảy ra cãi nhau. Bà A đã nộp đơn ly hôn ông D nhiều lần, nhưng vĩ nghĩ cho các con, cũng muốn cho ông D cơ hội

sửa đổi để vợ chồng hàn gắn, nhưng giữa bà và ông D vẫn không thể hòa hợp được với nhau. Từ năm 2018, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng gay gắt nên đã không còn sống chung với nhau. Bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Quốc D (Giới tính: Nam) sinh ngày 24.9.2004; Nguyễn Ngô Khải H (Giới tính: Nam), sinh ngày 20.9.2013. Hiện bà A đang nuôi con. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông D không chấp hành, cũng không nộp ý kiến hay giấy tờ tài liệu nào để lưu hồ sơ giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

*Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tú A.

- Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị Tú A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Quốc D, sinh ngày 24.9.2004; Nguyễn Ngô Khải H, sinh ngày 20.9.2013.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Ngô Thị Tú A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Ngô Thị Tú A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Quốc D vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tú A, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Tú A và ông Nguyễn Quốc D là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa bà A và ông D đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn lại, giữa ông bà hiện tại đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên đã không còn sống chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông D không chấp hành. Theo bà A trình bày: Mâu thuẫn giữa bà và ông D xảy ra gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Qua xác nhận của địa phương thì cuộc sống vợ chồng bà A ông D có xảy ra mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ giữa bà A và ông D không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn giữa bà A và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tú A là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện nay bà A đang trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo được việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con. Hơn nữa, theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc D là xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Ngô Thị Tú A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Quốc D (Giới tính: Nam) sinh ngày 24.9.2004; Nguyễn Ngô Khải H (Giới tính: Nam), sinh ngày 20.9.2013 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị Tú A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tú A.

Bà Ngô Thị Tú A được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

2. Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị Tú A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Quốc D (Giới tính: Nam) sinh ngày 24.9.2004; Nguyễn Ngô Khải H (Giới tính: Nam), sinh ngày 20.9.2013.

Ông Nguyễn Quốc D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022738 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà Ngô Thị Tú A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**

